

**Câu 1: Tiêu chí lựa chọn test để tầm soát**

- A. Có độ nhạy và độ đặc hiệu chấp nhận được
- B. Có giá trị tiên đoán dương và âm chấp nhận được
- C. Có chi phí chấp nhận được
- D. Tất cả các câu đều đúng**

**Câu 2: Công cụ cung cấp bức tranh tổng quát về các mối quan hệ trong gia đình:**

- A. Thang điểm APGAR
- B. Thang điểm SREEM
- C. Vòng đời của gia đình
- D. Cây phả hệ**

**Câu 3: Phân loại nào sau đây không phải thuộc phân loại IMCI**

- A. Ho do dị vật đường thở**
- B. Ho do cảm lạnh
- C. Tiêu chảy cấp không mất nước
- D. Ho do viêm phổi
- E. Sốt không phải sốt rét

**Câu 4: Hậu quả của trẻ ngậm bắt vú không đúng cách, CHỌN CÂU SAI:**

- A. Mẹ đau vú khi cho bú
- B. Trẻ từ chối bú mẹ
- C. Trẻ bị sụt cân
- D. Trẻ ngủ nhiều hơn**
- E. Mẹ giảm tiết sữa

**Câu 5: Các đặc trưng chuyên nghiệp cho BSGĐ, NGOẠI TRỪ**

- A. Lo lắng cho bệnh nhân**
- B. Tuân thủ luật pháp
- C. Chính trực
- D. Bảo mật cho bệnh nhân
- E. Làm việc nhóm

**Câu 6: Khi nào cần chuyển viện:**

- A. Tất cả đều đúng
- B. THA kháng trị**
- C. THA cấp cứu
- D. THA áo choàng trắng
- E. A và C đúng

**Câu 7: Khám sức khỏe tổng quát, tầm soát và phát hiện bệnh sớm là chức năng của BSGĐ:**

- A. Đúng**
- B. Sai

**Câu 8: Thuốc nào sau đây là thuốc tránh thai khẩn cấp:**

- A. Postinor.**
- B. Mercilon.
- C. Drospirin.
- D. YAZ.
- E. Marvelon.

**Câu 9: Theo ATP IV, các nhóm đối tượng cần điều trị statin cường độ cao, CHỌN CÂU SAI:**

- A. Tất cả đều sai
- B. BN có nguy cơ tim mạch 10 năm > 7.5%
- C. BN ĐTĐ trên 75 tuổi

D. Phòng ngừa ở bệnh nhân có tiền căn bệnh tim mạch xơ vữa

E. LDL > 4.9 mmol/L và tiền căn gia đình

**Câu 10: Tầm soát là một chiến lược quan trọng để ngăn ngừa bệnh tật, tất cả các bệnh đều có thể tầm soát được.**

☒ A. Đúng

B. Sai

**Câu 11: Khi nào điều trị thuốc Huyết áp:**

A. Tất cả đều sai

☒ C. HA: 160/120 mmHg

E. Thất bại điều trị lối sống

B. THA thứ phát

D. Luôn luôn điều trị dù có thay đổi lối sống

**Câu 12: Tác dụng hậu kháng sinh có cơ chế là chọn câu sai**

A. Vi khuẩn cần thời gian để tổng hợp enzym mới trước khi tăng trưởng trở lại.

B. Kháng sinh vẫn duy trì ở vị trí gắn hoặc trong khoang bào tương

☒ C. Kháng sinh được dùng liều cao nên chưa thải hết hoàn toàn trong cơ thể

D. Vi khuẩn bị kháng sinh tác động gây thương tổn ở cấu trúc tế bào, có thể hồi phục lại

**Câu 13: Trong các câu sau đây, chọn câu đúng:**

A. Cần cai sữa mẹ lúc trẻ 1 tuổi

B. Cần giới hạn thời gian cho trẻ bú

C. Cho bú đủ 2 vú cho mỗi cữ bú

D. Cho trẻ ăn bổ sung từ 2 tháng tuổi

☒ E. Nên cho trẻ bú khi trẻ yêu cầu.

**Câu 14: Tham vấn tiền thai cho người nữ bao gồm các bước:**

A. Tầm soát các bệnh nội khoa.

B. Khám phụ khoa, tầm soát ung thư CTC.

C. Hỏi kỹ tiền căn gia đình, bản thân.

D. Xét nghiệm tổng quát và siêu âm phụ khoa.

☒ E. Tất cả các câu trên đều đúng.

**Câu 15: Trong các câu sau đây, CHỌN CÂU SAI :**

A. Động tác mút giúp đưa sâu mô vú vào trong miệng trẻ.

☒ B. Phản xạ mút thực hiện nhờ chạm đầu vú vào vòm hầu trẻ.

C. Khi đưa vú vào miệng trẻ, nên đưa cả bầu vú vào.

D. Khi trẻ ngậm vú đúng cách, không có sự cọ sát giữa lưỡi bé và da núm vú.

E. Động tác mút của bé giúp hút sữa từ bầu vú mẹ.

**Câu 16: Các vacxin cần tư vấn chỉch khi tham vấn tiền sản, ngoại trừ:**

A. MMR

B. Cúm

C. Thủy đậu

D. Viêm gan B

☒ E. HPV

**Câu 17: Tầm soát rối loạn lipid máu:**

A. > 20 tuổi: 5 năm/lần, > 45 tuổi: 2 năm/lần

B. Lưu ý ở những đối tượng thứ phát vì chiếm đến 75%

C. Ở những đối tượng: nghiện rượu, dùng thuốc tránh thai, ứ mật

D. > 20 tuổi: 5 năm/lần, > 45 tuổi: 2 năm/lần và Ở những đối tượng: nghiện rượu, dùng thuốc tránh thai, ứ mật

E. Đã bị RLLM, theo dõi mỗi 1-2 tháng

**Câu 18: Có thể nhận biết trẻ ngậm bắt vú đúng cách dựa vào các dấu hiệu sau đây, NGOẠI TRỪ :**



- A. Khi trẻ mút thấy má lõm vào.
- B. Trẻ mút chậm và mạnh.
- C. Cầm trẻ chạm vào vú mẹ.
- D. Môi dưới trẻ đưa ra ngoài.
- E. Miệng trẻ há rộng.

**Câu 19: Theo dõi điều trị statin:**

- A. CK tăng 5 lần, ngưng điều trị
- B. Ngưng thuốc khi LDL 2 lần thử  $< 40$  mg/dl
- C. Ngưng thuốc khi LDL 2 lần thử  $< 40$  mg/dl và CK tăng 5 lần, ngưng điều trị
- D. Tất cả đều đúng
- E. Ngưng thuốc khi men gan tăng 2 lần sau 4 tuần

**Câu 20: Điều trị bệnh chân miệng độ 2:**

- A. Tái khám mỗi 2 ngày sau tuần đầu tiên
- B. Xử trí biến chứng như suy tim cấp, co giật
- C. Tất cả đều sai
- D. Bù nước, hạ sốt, bú mẹ, vệ sinh răng miệng
- E. Bắt buộc nhập viện

**Câu 21: Biểu hiện lâm sàng của bệnh sốt xuất huyết:**

- A. Tất cả đều đúng
- B. Tất cả đều có sốt
- C. Tiên lượng xấu, dễ tử vong
- D. Sốt không đặc hiệu, sung huyết kết mạc, đau cơ
- E. Sốt không đặc hiệu, sung huyết kết mạc, đau cơ và tiên lượng xấu, dễ tử vong

**Câu 22: Sốt xuất huyết có sốc:**

- A. Có thể gây co giật
- B. Thường xảy ra ngày 5-7, sốt cao đột ngột, li bì và Có thể gây co giật
- C. Tử vong ngay trong 12h
- D. Thường xảy ra ngày 5-7, sốt cao đột ngột, li bì
- E. Tất cả đều đúng

**Câu 23: Các biểu hiện của xuất huyết trong sốt xuất huyết:**

- A. Xuất huyết âm đạo
- B. Chảy máu da niêm
- C. Tiểu máu
- D. Xuất huyết dưới da
- E. Tất cả đều đúng

**Câu 24: Tiêu chí xác định Sốt Xuất Huyết:**

- A. Biểu hiện xuất huyết
- B. Sốt cao
- C. Tăng tiểu cầu
- D. Tất cả đều đúng
- E. Sốt cao và Biểu hiện xuất huyết

**Câu 25: Biến chứng tay chân miệng:**

- A. Nhiễm trùng huyết
- B. Xuất hiện sau tuần đầu tiên
- C. Dễ xảy ra ở trẻ sốt cao và nôn nhiều
- D. Dễ xảy ra ở trẻ sốt cao và nôn nhiều và nhiễm trùng huyết
- E. Có thể theo dõi tại nhà

**Câu 26: Chương trình IMCI bao gồm các lĩnh vực sau, NGOẠI TRỪ:**

- A. Tham vấn dinh dưỡng



- B. Phân loại và xử trí các bệnh nhiễm nguy hiểm
- C. Tham vấn bú mẹ
- D. Tham vấn pha ORS
- E. Tham vấn ngừa thai

**Câu 27: Chỉ định của phương pháp triệt sản:**

- A. Nữ > 30 tuổi, có 2 con sống khỏe mạnh, con nhỏ nhất > 1 tuổi.
- B. Nữ > 35 tuổi, có 2 con sống khỏe mạnh, con nhỏ nhất > 2 tuổi.
- C. Nữ > 30 tuổi, có 2 con sống khỏe mạnh, con nhỏ nhất > 2 tuổi.
- D. Nữ > 35 tuổi, có 2 con sống khỏe mạnh, con nhỏ nhất > 1 tuổi.
- E. Nữ > 30 tuổi, có 2 con sống khỏe mạnh, con nhỏ nhất > 3 tuổi.

**Câu 28: Phòng bệnh ở bệnh tay chân miệng:**

- A. Cách ly trẻ ở tuần bệnh thứ 2
- B. Áp dụng các biện pháp phòng bệnh lây qua đường hô hấp
- C. Đã có vacxin phòng bệnh, nhưng ở nước ta vẫn chưa có
- D. Rửa sạch vật dụng, sàn nhà bằng oxy già
- E. Vệ sinh cá nhân, rửa tay bằng xà phòng

**Câu 29: Cơ chế ngừa thai chủ yếu của thuốc viên tránh thai phối hợp là:**

- A. Ngăn cản sự di chuyển của tinh trùng vào tử cung.
- B. Ngăn cản sự làm tổ của trứng.
- C. Làm tăng hoặc giảm nhu động của ống dẫn trứng.
- D. Ức chế phóng noãn.
- E. Tất cả các cơ chế trên đóng vai trò như nhau.

**Câu 30: Giá trị của cây phả hệ, CHỌN CÂU SAI:**

- A. Cho thấy bức tranh về vòng đời gia đình
- B. Ghi lại lịch sử gia đình qua các thế hệ.
- C. Yếu tố nguy cơ bệnh tật
- D. Cung cấp bức tranh tổng quát về các mối quan hệ phức tạp trong hôn nhân, sự xung khắc

**Câu 31: Kháng sinh phổ rộng bao gồm**

- A. Rifampicine
- B. Ofloxacin
- C. Amikacin
- D. Ethambutol

**Câu 32: Công cụ đánh giá sự gắn kết của gia đình:**

- A. Cây phả hệ:
- B. Thang điểm APGAR
- C. Thang điểm SREEM
- D. Vòng đời của gia đình

**Câu 33: Công cụ đánh giá vai trò và tâm lý của các thành viên trong gia đình:**

- A. Cây phả hệ
- B. Thang điểm SREEM
- C. Thang điểm APGAR
- D. Vòng đời của gia đình

**Câu 34: Chọn câu SAI:**

- A. Bệnh tay chân miệng lây từ người sang người do virus Coxsackie và Enterovirus 71
- B. Tổn thương dưới dạng bóng nước
- C. Thời gian lây nhiễm từ vài ngày trước khi khởi phát
- D. Thường gặp ở trẻ dưới 3 tuổi
- E. Gây nhiều biến chứng ở lứa tuổi càng nhỏ

**Câu 35: Tỷ lệ hồi sức Tim Phổi ở người lớn tại hiện trường là:**

- A. 15/3
- B. 15/4
- C. 30/2
- D. 30/1
- E. 15/2



Câu 36: Chiến lược dùng statin:

- A. Statin trung bình: giảm LDL: 20-50%
- B. Statin mạnh: uống hằng ngày giảm LDL > 50%
- C. Statin yếu: giảm LDL: < 20%
- D. Tất cả đều đúng E. Tất cả đều sai

Câu 37: Kháng sinh tác động lên quá trình sinh tổng hợp protein của vi khuẩn

- A. Polymycin
- B. Chloramphenicol
- C. Vancomycin
- D. Fosfomycin,

Câu 38: Nói về khái niệm dược lực học/ dược động học

- A. Dược lực học thể hiện mối quan hệ giữa nồng độ và hiệu quả điều trị, trong trường hợp đối với kháng sinh
- B. Dược động học mô tả quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ của thuốc.
- C. Ứng dụng chỉ số PK/PD để thiết kế chế độ liều điều trị
- D. Ứng dụng chỉ số PK/PD để tăng tính kháng thuốc của kháng kháng sinh

Câu 39: Kỹ thuật đo Huyết áp:

- A. Chỉ theo dõi HA khi có "áo choàng trắng"
- B. Đo HA 2 tay
- C. Đo 2 lần, cách nhau 5 phút và Đo HA 2 tay
- D. Đo 2 lần, cách nhau 5 phút
- E. Tất cả đều đúng

Câu 40: Công cụ đánh giá nguồn lực của gia đình:

- A. Thang điểm APGAR
- B. Vòng đời của gia đình
- C. Cây phá hệ
- D. Thang điểm SREEM

Câu 41: Dựa theo định nghĩa hen của GINA 2006, câu nào sau đây đúng nhất?

- A. Con cơ thắt phế quản đưa đến tắc nghẽn đường hô hấp
- B. Viêm mạn tính của đường hô hấp
- C. Viêm cấp tính của đường hô hấp
- D. Một loại nhiễm trùng của đường hô hấp
- E. Một tình trạng dị ứng của đường hô hấp

Câu 42: Yếu tố nào sau đây góp phần làm hẹp đường thở trong sinh lý bệnh hen?

- A. Không câu nào đúng
- B. Phù nề niêm mạc đường hô
- C. Co thắt cơ trơn đường thở
- D. Dây thành đường thở
- E. Các câu trên đúng

Câu 43: Bác sĩ gia đình có nhiệm vụ, CHỌN CÂU SAI

- A. Có khả năng quản lý tất cả các bệnh mà không cần đến bác sĩ chuyên khoa
- B. Là người tiếp xúc bệnh nhân đầu tiên/ người gác cửa trong hệ thống y tế
- C. Cung cấp sự chăm sóc toàn diện
- D. Cung cấp các dịch vụ chăm sóc tiếp theo

Câu 44: Triệu chứng nào sau đây không thường gặp trong bệnh hen?

- A. Khó thở
- B. Nặng ngực
- C. Đau ngực
- D. Ho
- E. Khò khè

Câu 45: Đối tượng nào cần được tham vấn tiền thai ?



- A. Người được tham vấn là người nữ.
- B. Người từng bị tiền sản giật trong thai kỳ lần trước.
- C. Người từng sanh con  $\geq 4$  kg.
- D. Người từng sẩy thai liên tiếp  $\geq 2$  lần.
- E. Người sinh con khỏe mạnh, muốn lựa chọn giới tính.

**Câu 46: Các nguyên nhân gây tăng HA thứ phát:**

SSNI, MAOI

- A. Cường giáp
- B. Thuốc SSRI, MAOI
- C. Hẹp động mạch thận
- D. Cường giáp và Hẹp động mạch thận
- E. Tất cả đều đúng

**Câu 47: Kháng sinh nào sau đây không có cơ chế tác dụng trên vách tế bào vi khuẩn**

- A. Vancomycin
- B. Beta-lactam
- C. Fosfomycin
- D. Macrolid

**Câu 48: Thời gian ngừa thai tối thiểu sau khi chích ngừa Rubella trước khi mang thai là:**

- A. Ngừa thai 2 tháng sau khi chích ngừa
- B. Ngừa thai 2 tuần sau khi chích ngừa
- C. Ngừa thai 3 tuần sau khi chích ngừa
- D. Ngừa thai 3 tháng sau khi chích ngừa
- E. Ngừa thai 1 tháng sau khi chích ngừa

**Câu 49: Theo khuyến cáo của WHO, nên bắt đầu cho con bú từ thời điểm nào sau sanh (giờ) ?**

- A. ½ - 1
- B. 48
- C. 6
- D. 24
- E. 12

**Câu 50: Chương trình IMCI bao gồm các bệnh sau, NGOẠI TRỪ**

- A. Rubella
- B. SXH
- C. Sốt rét
- D. Sởi
- E. Viêm màng não

**Câu 51: Các biểu hiện lâm sàng của bệnh tay chân miệng:**

- A. Dạng bóng nước ở niêm mạc và suy hô hấp, suy tuần hoàn, tử vong trong 48 h
- B. Dạng bóng nước ở niêm mạc
- C. Suy hô hấp, suy tuần hoàn, tử vong trong 48 h
- D. Dạng bóng nước ở niêm mạc, phát ban không rõ và suy hô hấp, suy tuần hoàn, tử vong trong 48 h
- E. Phát ban không rõ

**Câu 52: Chọn câu đúng về yếu tố nguy cơ của bệnh hen?**

- A. Hút thuốc lá làm tăng mức độ nặng của bệnh hen nhưng làm bệnh hen dễ đáp ứng với điều trị hơn
- B. Ở trẻ em, nữ giới có nguy cơ bị hen cao hơn nam giới
- C. Nam giới và nữ giới có nguy cơ bị hen như nhau ở mọi lứa tuổi
- D. Ở người lớn, nữ giới có nguy cơ bị hen cao hơn nam giới
- E. Trẻ em bú sữa mẹ có tần suất hen cao trẻ không bú sữa mẹ

**Câu 53: Tiêu chí lựa chọn bệnh để tầm soát:**

- A. Tất cả các câu đều đúng
- B. Có sẵn biện pháp điều trị chấp nhận được
- C. Điều trị ở giai đoạn sớm làm giảm tỉ lệ bệnh nặng và tử vong
- D. Có hiệu quả trên chất lượng cuộc sống

**Câu 54: chương trình IMCI có mục đích giảm:**

- A. nhập viện do suy giáp bẩm sinh



B. nhập viện do hen

C. tử vong các bệnh lây nguy hiểm thường gặp

D. tử vong do ung thư

E. tử vong do tai nạn giao thông

Câu 55: chương trình IMCI có 4 dấu hiệu nguy hiểm chung, NGOẠI TRỪ:

A. Nôn ra mọi thứ

B. Bỏ ăn bỏ bú

C. Li bì khó đánh thức

D. Đã từng co giật

E. Ngủ kém

Câu 56: CHỌN CÂU SAI về bệnh sốt xuất huyết:

A. Là bệnh nhiễm cấp tính

B. Virus có trong máu người bệnh trong suốt thời gian bệnh

C. Virus Dengue là ARN virus, có 4 típ huyết thanh, có thể phản ứng chéo 1 phần

D. Thường gây bệnh ở trẻ em

E. Nhiễm virus Dengue sẽ có miễn dịch suốt ngày

Câu 57: Cấp cứu hồi sức tim phổi ở người lớn ngưng tim ngưng thở tại hiện trường ưu tiên hồi sức cơ quan

A. Não

B. Tim

C. Thận

D. Gan

E. Phổi

Câu 58: Chọn câu đúng:

A. Chính liều sau 4 tuần

B. Không chẩn đoán THA qua 1 lần thăm khám

C. Tim NN nếu không đáp ứng điều trị

D. Thận trong sử dụng beta blocker cho BN khó thở

E. Tất cả đều đúng

Câu 59: Chương trình IMCI bao gồm các điểm nào sau đây, NGOẠI TRỪ

A. Xác định các dấu hiệu nguy hiểm chung

B. Phân loại suy tim

C. Phân loại Sốt

D. Phân loại Ho

E. Phân loại tiêu chảy

Câu 60: Khách hàng nữ 36 tuổi, nghề nghiệp nội trợ, Para: 3013 (3 lần sanh thường, con nhỏ nhất 2 tuổi – 1 lần hút thai vì thai ngoài ý muốn). Kinh không đều, hành kinh từ 6 – 7 ngày, lượng nhiều, tiền căn nội – ngoại khoa chưa phát hiện bất thường. Chồng làm công nhân, không muốn áp dụng biện pháp tránh thai cho nam giới. Khách hàng muốn được tư vấn về một biện pháp tránh thai an toàn, hiệu quả cao. Nếu khách hàng lựa chọn phương pháp tránh thai như anh/chị đã tư vấn, thời điểm nào cô ấy có thể áp dụng:

A. Khi giao hợp lần sau.

B. Ngày thứ 1 đến ngày thứ 5 của chu kì kinh tiếp.

C. Bất cứ lúc nào cũng được.

D. Ngay sau khi sạch kinh.

E. Càng sớm càng tốt.

Câu 61: Khách hàng nữ 36 tuổi, nghề nghiệp nội trợ, Para: 3013 (3 lần sanh thường, con nhỏ nhất 2 tuổi – 1 lần hút thai vì thai ngoài ý muốn). Kinh không đều, hành kinh từ 6 – 7 ngày, lượng nhiều, tiền căn nội – ngoại khoa chưa phát hiện bất thường. Chồng làm công nhân, không muốn áp dụng biện

pháp tránh thai cho nam giới. Khách hàng muốn được tư vấn về một biện pháp tránh thai an toàn, hiệu quả cao. Biện pháp tránh thai nào sau đây phù hợp nhất cho khách hàng này:

A. Vòng TCU 380A.

B. Thuốc tránh thai khẩn cấp.

C. Thuốc tránh thai phối hợp.

D. Bao cao su.

E. Triệt sản.

Câu 62: Bệnh tim mạch xơ vữa lâm sàng gồm, CHỌN CÂU SAI:

A. Hội chứng mạch vành cấp

B. Tiền căn nhồi máu cơ tim, nhồi máu não

C. Đái tháo đường

D. Tắc mạch ngoại vi

E. Rung nhĩ

Câu 63: Điền vào chỗ trống, khám tầm soát là

.....  
.....  
.....  
.....

Liệt kê các nguyên lý trong thực hành Y học gia đình: (6 câu từ câu 64 đến câu 69)

Câu 64.....

Câu 65.....

Câu 66.....

Câu 67.....

Câu 68.....

Câu 69.....

Câu 70: Kể ít nhất 3 xét nghiệm cần thiết trong quá trình tham vấn tiền thai ?

a. -

b. -

c. -